

DDC 14 với công tác phân loại tài liệu ở Thư viện trường Đại học Khoa học Huế



Phân loại tài liệu là khâu công tác quan trọng trong chu trình tài liệu của cơ quan Thư viện – Thông tin. Nó không những giúp cho thư viện kiểm soát thư mục, xây dựng hệ thống tra cứu thông tin; tổ chức kho tài liệu, ... để phục vụ độc giả mà còn thúc đẩy việc khai thác, trao đổi thông tin giữa các thư viện trong một vùng, một quốc gia và trên toàn thế giới. Phân loại tài liệu cũng giữ một vai trò rất quan trọng đối với hoạt động kiểm soát các nguồn tin trong hệ thống mạng nội bộ và mạng Internet. Tuy nhiên, việc chọn lựa và sử dụng khung phân loại nào để xử lý tài liệu của các thư viện Việt Nam trong những thập niên qua lại vô cùng đa dạng, thiếu tính thống nhất và Trung tâm – thông tin - thư viện trường Đại học Khoa học (TT – TT- TV ĐHKH) Huế cũng không ngoại lệ.

Từ khi được thành lập (1957) thư viện trường ĐHKH Huế đã sử dụng DDC - 09 rút gọn kết hợp với phiên bản DDC - 17 ấn bản đầy đủ để phân loại và tổ chức kho tài liệu theo môn loại. Cùng với việc tổ chức kho môn loại, hệ thống mục lục tra cứu thông tin truyền thống được thiết lập hoàn toàn tương thích với vốn tài liệu của thư viện. Đến năm 1976, thư viện ĐHKH Huế chọn khung BBK để xử lý và tổ chức kho theo trật tự cá biệt của tài liệu. Từ năm 1991 trở về sau TT- TT-TV ĐHKH Huế thay đổi khung phân loại từ BBK bằng khung phân loại UDC để xử lý tài liệu và tổ chức mục lục tra cứu truyền thống.

Phải thừa nhận, trong suốt thời gian qua, TT- TT-TV ĐHKH Huế đã tiếp nhận vốn tài liệu, quản lý, phân loại, biên mục, tổ chức kho, sắp xếp và lưu hành tài liệu không được nhất quán. Trong cùng một kho tài liệu đang tồn tại ba loại chỉ số phân loại khác nhau (DDC, UDC, BBK) khiến công tác chuyên đội phương thức phục vụ từ kho đóng sang kho mở là việc làm vô cùng khó khăn. Song, trước nhu cầu được tiếp cận tài liệu gốc của độc giả, TT-TV ĐHKH Huế nhất thiết phải có kế hoạch hoàn thiện hệ thống kho tài liệu theo nhu cầu của độc giả. Hệ thống mục lục tra cứu môn loại truyền thống với 3 nhóm chỉ số phân loại đã bộc lộ rõ những hạn chế cần hợp nhất để cập nhật thông tin vào hệ thống tốt hơn.

Năm 2005, thư viện ĐHKH Huế đã sử dụng phần mềm CDS/ISIS để hỗ trợ công tác xử lý hợp nhất các chỉ số phân loại theo UDC và tổ chức lại toàn bộ hệ thống mục lục tra cứu truyền thống đối với tài liệu tiếng Việt. Việc làm này đã hoàn tất vào năm 2006 và thư viện lại có được CSDL sách tiếng Việt trong phần mềm CDS/ISIS tương đối chất lượng để phục vụ công tác tra cứu thông tin của độc giả.

Tháng 08 năm 2006, Thư viện Quốc gia Việt Nam – cơ quan chỉ đạo nghiệp vụ cho các thư viện trên toàn quốc – đã công bố *Khung phân loại thập phân Dewey rút gọn 14* (DDC 14) tương thích với ấn phẩm DDC 22 phiên bản đầy đủ và khuyến khích các thư viện trên toàn quốc sử dụng để phân loại tài liệu thư viện với mục đích chuẩn hoá và hội nhập với các thư viện cộng đồng trên thế giới. Song song với ấn phẩm 14 do Thư viện Quốc gia Việt Nam ấn hành thì Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh - Trường đại học Khoa học tự nhiên, Thư viện cao học cũng phát hành ấn phẩm *Hướng dẫn thực hành phân loại thập phân Dewey: Khung phân loại Thập phân Dewey rút gọn ấn bản 14* cũng với mục đích giúp các thư viện xử lý tài liệu và chuẩn hoá nghiệp vụ.

Từ khi công bố ấn phẩm DDC 14, Thư viện Quốc gia Việt Nam cũng đã có rất nhiều các lớp tập huấn sử dụng khung phân loại này cho các thư viện theo ngành dọc (Thư viện công cộng). Riêng Thư viện các trường đại học khu vực Huế cũng được Trung tâm Học liệu Đại học Huế tập huấn sử dụng vào tháng 01 năm 2007.

Sau khi tập huấn nghiệp vụ về, cán bộ tổ Phân loại – Biên mục của Thư viện đại học Khoa học Huế đã tiến hành nghiên cứu kỹ cấu trúc của khung phân loại DDC 14; cách thiết lập chỉ số phân loại với các nguyên tắc sử dụng các bảng phụ thích hợp để ghép vào lớp chính; so sánh khung phân loại UDC với DDC 14 để tìm ra nét tương đồng và điểm dị biệt để khắc phục những bất cập trong hệ thống mục lục tra cứu truyền thống của mình; so sánh DDC 14 rút gọn với DDC 22 ấn phẩm đầy đủ để nghiên cứu mức độ thuận lợi hoặc những bất cập trong công tác phân loại tài liệu cũng như sắp xếp phiếu mô tả trong mục lục truyền thống của thư viện mình và chúng tôi nhận thấy:

Ví dụ: Khi phân loại tài liệu có nhan đề: Đại tạng kinh / Thích Tịnh Hạnh, biên dịch. - Xuất bản lần thứ 1. - Đà Bắc: Hội Văn hoá Giáo dục Linh Sơn, 2000. - 69 tập ; 24 cm.

Sử dụng DDC 14, ấn bản của Thư viện Quốc gia Việt Nam phát hành, cán bộ phân loại đã định chỉ số cho tài liệu này 294.3. Để định được chỉ số phân loại này, cán bộ phân loại phải tham khảo Phần hướng dẫn ở 207, 268 so với 200.71, 230.071, 292 -299... (tr. 304), rất khó khăn và tốn nhiều thời gian, song chưa thật sự thoả mãn với chỉ số đã tìm được.

Tuy nhiên, tại trang 163 của ấn phẩm *Hướng dẫn thực hành phân loại thập phân Dewey: Tài liệu hướng dẫn sử dụng: Dewey Decimal classification, 22 th edition* : Khung phân loại Thập phân rút gọn, ấn bản 14. - ấn bản lần thứ hai / Biên soạn: Nguyễn Minh Hiệp, Lê Ngọc Oánh, Dương Thuý Hương, Lương Minh Hoà. – TP. Hồ Chí Minh: Đại học Quốc gia, 2007, đã cập nhật thông tin cho phần lớp tôn giáo này với chỉ số 294.382 Kinh

sách (Đại tạng kinh).

Khi tham khảo thêm DDC ấn bản đầy đủ mới giải quyết được nhu cầu về chỉ số cho tài liệu này bằng số 294.382.3 Kinh, Đại Tạng kinh.

Trong quá trình phân loại tài liệu và tham khảo các chỉ số phân loại tại ba ấn phẩm: DDC 14 của Thư viện Quốc gia, DDC ấn bản lần thứ 2 của Tp. Hồ Chí Minh và DDC ấn bản đầy đủ, chúng tôi nhận thấy những ưu điểm của ấn bản đầy đủ thông qua việc xây dựng cấu trúc chung của toàn bộ khung phân loại. Trong đó có môn loại 800 trong các ấn bản DDC từ lần thứ 18 đến 22 với sự phân chia:

800- 809 Văn học và tu từ học

810- 819 Văn học Mỹ bằng tiếng Anh 820- 829 Văn học Anh và văn học tiếng Anh cổ

830- 839 Văn học ngôn ngữ Germanic (Teutonic)

840- 849 Văn học ngôn ngữ Rômanh

850- 859 Văn học Italia, Romanian, Rhaeto- Romanic

860- 869 Văn học Tây Ban Nha, Bồ đào Nha

880- 889 Văn học tiếng Italic Tiếng La tinh

890- 899 Các nền văn học của các ngôn ngữ khác

Với cách chia này, cấu tạo chỉ số phân loại cho một số nền văn học tương đối dài và các ấn bản DDC từ lần thứ 18 đến 22 đã đề cập đến vấn đề này kèm theo gợi ý tùy chọn dưới mục từ trung tâm 810-890. Để nhấn mạnh yếu tố về địa phương nhưng có được một chỉ số phân loại ngắn hơn về một nền văn học chuyên biệt. Muốn làm được điều đó, cán bộ biên mục phải thiết lập các chỉ số từ phân mục chính, phụ cho các thể loại văn học và cho các thời kỳ bằng cách dùng mẫu tự đầu tiên của tên quốc gia để biểu thị cho nền văn học của dân tộc đó.

Ví dụ: Văn học Canada là C810, Jamaica là J810 và Văn học Úc là A820, Ấn Độ là In820)...

Vận dụng chỉ dẫn này, DDC 14 ấn bản lần thứ hai của nhóm Biên soạn: Nguyễn Minh Hiệp, Lê Ngọc Oánh, Dương Thuý Hương, Lương Minh Hoà. – TP. Hồ Chí Minh, 2007 đã dùng chỉ số 810 cho Văn học Việt Nam thay vì dùng 895.922. Việc loại bỏ chỉ số 895.922 ra khỏi DDC 14 ấn phẩm lần 2 dẫn đến tính thiếu thống nhất giữa các công cụ nghiệp vụ, công tác định chỉ số phân loại tài liệu của các thư viện trong mạng lưới thư viện Việt Nam. Mặt khác, đánh mất đi tính cá biệt duy nhất về một nền văn học mang tính dân tộc (nếu như sử dụng ấn phẩm này để phân loại tài liệu).

Phương pháp phân loại tài liệu trong DDC14 cũng như DDC ấn bản đầy đủ đã được hướng dẫn rất cụ thể theo các cách: Chọn số phân loại đã được liệt kê tương đối đầy đủ trong bảng chính hoặc định số phân loại bằng cách cộng vào số căn bản đã được liệt kê trong bảng chính với những ký hiệu khác từ các bảng phụ; Từ Bảng chính để thiết lập một số phân loại mới theo hướng dẫn từ các phân mục trong bảng chính hoặc thiết lập số phân loại phải dựa vào ưu điểm phân cấp trong DDC để nắm vững cấu trúc và cơ chế phân cấp của DDC; Sử dụng DDC tùy thuộc vào sự phản ánh nội dung của tài liệu với chủ đề chính - phụ để kết hợp chỉ số trong Bảng chính với số cần thiết từ các Bảng trợ ký hiệu. Để làm tốt công việc này cần tuân thủ các bước trong tiến trình ấn định chỉ số phân loại như:

- Phân tích chủ đề, đây là việc xác định môn loại chính mà nội dung của ấn phẩm trình bày thông qua việc đối chiếu chủ đề trong tài liệu với lớp chính của khung phân loại (Bảng tóm lược 1), phụ đề và hình thức, công dụng của tài liệu để sắp xếp chúng theo trật tự nhất định;

- Từ việc xác định được chủ đề của tài liệu để tiếp cận bảng tra chủ đề, tìm đến các phân mục của bảng chính, tìm hiểu các số theo chỉ dẫn từ mục chính, kiểm tra, cân nhắc, lựa chọn và quyết định sử dụng chỉ số thích hợp nhất cho nội dung tài liệu. Đối với tài liệu có nhiều chủ đề cán bộ biên mục chỉ chọn chủ đề bao quát cho tất cả các chủ đề và phần lớn nó nằm trong môn loại chính nhằm phản ánh toàn bộ nội dung của tài liệu đó và phải tuân thủ những quy tắc chọn một chủ đề trong nhiều chủ đề của tài liệu.

Ví dụ: Chỉ số cho một nhan đề với 2 chủ đề

Pre-Algebra : A Transition to Algebra & Geometry / [authors, Jerry ummins ... et al.]. - New York : Glencoe/McGraw Hill, c2002. xxiv, 843

p. : bill. (chiefly col.) ; 26 cm.

At head of title: Glencoe mathematics.

1. Algebra --Study and teaching (Secondary).

2. Geometry-- Study and teaching. 3. Hình học-- nghiên cứu, giảng dạy. Đại số--nghiên cứu, giảng dạy.

512.0076|DDC.22

Biểu ghi theo MARC 21

LDR 00948cam a2200289 i 4500

001 22672
 005 20101019090507.0
 008 101006t2006 |||||eng
 020 ## |a0078247713
 40 ## |aLIB.HUSC
 41 0# |aEng
 082 00 |a512.0076|bPR-|222
 100 0# |a.
 245 10 |aPre-Algebra :|Transition to Algebra & Geometry /|c[authors, Jerry Cummins... et al.].
 246 1# |iAt head of title:|aGlencoe mathe- matics.
 260 ## |aNew York :|bGlencoe/McGraw Hill,|cc2002.
 300 ## |axxiv, 843 p. :|bill. (chiefly col.);|c26 cm.
 500 ## |aIncludes index.
 650 #0 |aAlgebra|vStudy and teaching (Secondary).
 650 #0 |aGeometry|vStudy and teaching.
 650 #4 |aHình học |vnghiên cứu , giảng dạy.
 650 #4 |aĐại số| vnghiên cứu, giảng dạy.
 653 ## |aHình học.
 653 ## |aĐại số.
 700 1# |aCummins, Jerry.
 710 2# |aGlencoe/McGraw-Hill.
 852 0# |jLv5348-Lv5349.

Thiết lập số phân loại đầy đủ là một tiến trình tạo nên một số phân loại mới bằng cách cộng thêm vào số căn bản trong bảng chính một ký hiệu từ nơi khác của bảng chính hay từ các bảng phụ thích hợp và nhất thiết phải theo sự hướng dẫn cụ thể trong bảng chính hay các bảng phụ ngay bên dưới những mục từ - ngoại trừ việc thiết lập số phân loại từ cách cộng thêm ký hiệu từ Bảng 1. Việc xác lập trật tự trích dẫn trong phân tích chủ đề tài liệu rất quan trọng và từ thứ tự trích dẫn đã được phân tích sẽ giúp cán bộ phân loại quyết định chọn ký hiệu phân loại chính và những chỉ số phụ sẽ được cộng thêm vào số căn bản.

- Trong quá trình phân loại tài liệu tiếng Việt tại TT-TT-TV ĐHKH Huế, tài liệu tiếng Việt dùng DDC 14 rút gọn và tham khảo thêm từ các ấn bản DDC đầy đủ. Để có thể tham khảo và sử dụng DDC ấn bản đầy đủ cho công tác phân loại tài liệu thuộc các ngành khoa học, TT-TT-TV ĐHKH Huế đã thiết lập các công thức cần thiết cho môn loại Văn học với các nền văn học chuyên biệt, các bộ sưu tập văn học, lý luận văn học, ... Việc ấn định chỉ số phân loại cũng được tiến hành tuân tự theo các bước cơ bản từ Bảng chính dựa vào đặc tính phân cấp của DDC để thiết lập số phân loại thông qua việc tổng hợp phân tích, kết hợp từ chỉ số cơ bản trong Bảng chính với các ký hiệu trong các Bảng phụ... theo những công thức chặt chẽ và những chỉ dẫn trong mỗi mục từ ở Bảng chính và Bảng phụ.

Sau khi có được những thông tin chính xác về tài liệu đang cần xử lý, cán bộ biên mục chỉ cần chuyển thông tin từ biểu ghi đã in sang phiếu nhập tin đã được thiết kế trước đó và tiến hành kiểm tra lại chỉ số phân loại, xử lý ký hiệu phân kho, xếp giá và nhập thông tin vào CSDL sách trong phần mềm quản lý của thư viện mình. Đến năm 2009, được tiếp nhận phần mềm chuyên dụng vebrary, TT-TT-TV đã sử dụng Z39. 50 của phần mềm chuyên dụng Vebrary; sử dụng phần mềm dịch thuật trên internet để dịch thô và chuyên từ ngữ đã dịch sang thuật ngữ tìm tin chuyên ngành để xử lý tài liệu tiếng nước ngoài.

Phải nói rằng, việc lựa chọn phương pháp xử lý tài liệu tiếng Anh theo cơ quan biên mục ở thư viện Quốc hội Mỹ ngoài việc đem lại hiệu quả vô cùng lớn trong công tác xử lý hồi cố tài liệu của thư viện mà nó còn giúp cán bộ biên mục rút ngắn được thời gian phân loại sách, học hỏi được cách định chỉ số theo DDC, mô tả theo chuẩn ISBD và nhập tin theo trường dữ liệu MACR21.

Từ việc nghiên cứu các phiên bản DDC 14 rút gọn và so sánh bản rút gọn với DDC ấn bản đầy đủ, TT- TT- TV ĐHKH Huế cân nhắc và quyết định sử dụng DDC 14 (ấn bản của Thư viện Quốc gia Việt Nam) cho công tác phân loại tài liệu của mình. TT-TT-TV ĐHKH Huế đã nghiên cứu những điểm tương đồng giữa UDC và DDC và tìm ra những dị biệt ở các môn loại khoa học: 000 (phân mục 004/006) Tin học, Thông tin; 400 Ngôn ngữ; 600 Công nghệ (Khoa học kỹ thuật) để đưa ra các giải pháp cần thiết cho mục lục môn loại truyền thống của Trung tâm.

Mục lục tra cứu truyền thống theo cấu trúc khung UDC đang là công cụ hữu ích cho các đối tượng bạn đọc của

mình. Việc loại bỏ không cập nhật thông tin cho hệ thống mục lục này đồng nghĩa với việc tước bỏ quyền lợi của bạn đọc khi mà việc tìm tin qua hệ thống máy tính vẫn chưa thật sự thay thế cho thói quen tìm tin truyền thống của sinh viên; Chuyển đổi thông tin của hệ thống phiếu tiêu đề mục từ UDC sang đề mục của DDC là đồng nghĩa với việc chuyển đổi chỉ số phân loại của gần 30.000 nhan đề tài liệu với trên 130.000 bản tài liệu;... Đề khắc phục nhược điểm này, TT-TT-TV ĐHKH Huế cùng lúc cấp cho tài liệu 2 chỉ số phân loại - DDC cho công tác tải thông tin lên mạng và UDC cho công tác in phiếu mô tả để cập nhật cho mục lục truyền thống.

Tóm lại, việc phân loại tài liệu ở TT-TT-TV ĐHKH Huế từng giai đoạn cụ thể đã sử dụng từng khung phân loại cụ thể như DDC, BBK, UDC cho công tác xử lý tài liệu, tổ chức kho và thiết lập hệ thống tra cứu thông tin cho bạn đọc. Từ năm 2009, để hội nhập và trao đổi nghiệp vụ chung giữa các thư viện thuộc Đại học Huế cũng như của mạng lưới thư viện Việt Nam, TT-TT-TV ĐHKH Huế đã sử dụng DDC 14 có sử dụng tham khảo DDC ấn bản đầy đủ cho công tác phân loại tài liệu tiếng Việt và truy cập trực tiếp vào địa chỉ <http://catalog.loc.gov/> của thư viện Quốc hội Mỹ hoặc sử dụng công Z39.50 của phần mềm chuyên dụng Vebarray; sử dụng phần mềm dịch thuật để dịch thô và chuyển từ ngữ đã dịch sang thuật ngữ tìm tin chuyên ngành để xử lý tài liệu tiếng nước ngoài. Dùng 2 chỉ số phân loại để hợp lý hoá mục lục môn loại truyền thống và tải thông tin lên mạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. DDC- 09 là ấn bản rút gọn được dịch từ DDC-17 ấn bản đầy đủ với nhan đề Phương pháp tổng kê & phân loại sách : Bảng phân - loại thập – phân Việt - Nam / Richard K. Gardner ; Nguyễn Thị Cút dịch. – Sài Gòn: Hội ASIA Foundatio, 1966.
2. Hướng dẫn thực hành phân loại thập phân Dewey : Tài liệu hướng dẫn sử dụng: Dewey Decimal classification, 22th edition : Khung phân loại Thập phân rút gọn, ấn bản 14. - ấn bản lần thứ hai / Nguyễn Minh Hiệp, Lê Ngọc Oánh, Dương Thuý Hương, Lương Minh Hoà biên soạn. – TP. Hồ Chí Minh, 2007
3. Khung phân loại Thập phân Dewey và bảng chỉ mục quan hệ : Ấn bản 14 / Melvil Dewey ; Joan S. Mitchell tổng biên tập,... ; Nguyễn Thị Huyền Dân,... biên dịch ; Vũ Văn Sơn biên tập và hiệu đính. – H.: Thư viện Quốc gia Việt Nam, 2006
4. Phần mềm quản lý thư viện LẠC VIỆT – VEBRARY 3.0
5. Vũ Văn Sơn. Tài liệu hướng dẫn sử dụng khổ mẫu thư mục rút gọn MARC 21 Việt Nam / Vũ Văn Sơn, Cao Minh Kiểm
6. Tham khảo thông tin từ các bài báo của đồng nghiệp được đăng tải trên tạp chí “Thư viện Việt Nam”.
7. Trần Thị Khánh. Vốn tài liệu thư viện đại học Khoa học Huế, thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng. - Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. - 2006.
8. Truy cập địa chỉ: <http://catalog.loc.gov/> của Thư viện Quốc hội Mỹ (LC Voyager).

Trần Thị Khánh

TT-TT- Thư viện trường Đại học Khoa học Huế

Nguồn: Tạp chí Thư viện Việt Nam số 1(27) – 2011 (tr.11-15)